

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/DS-ST

Ngày: 27/6/2022

V/v: Tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thế Thị Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm

2. Ông Lương Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc: Tranh chấp đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồ Văn H, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ : Tổ 4, khu phố 1, phường Thới H, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn : Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1993 ; địa chỉ : 288/14/30 đường Huỳnh Văn L, tổ 66, khu 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 21/12/2021). (có mặt).

Bị đơn:

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1972 (vắng).

Địa chỉ: Tổ 22, khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

- Ông Lê Văn T, sinh năm 1969 (vắng).

Địa chỉ: Tổ 22, khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2021, lời khai của nguyên đơn ông Hồ Văn H cùng lời khai của người đại diện hợp pháp của ông H là bà Nguyễn Thị H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Ông H và bà H là họ hàng chị em cô cậu ruột nên bà H có rủ ông H hùn tiền đầu tư bất động sản. Vì tin tưởng vợ chồng bà H, ông T nên ông H có giao cho bà H và ông T 1.300.000.000 đồng vào ngày 06/7/2020. Ông H giao tiền cho bà H và ông T tại nhà của ông T và bà H và có mặt đủ ông T và bà H. Bà H là người viết giấy biên nhận tiền rồi ký tên, lăn tay vào bên nhận tiền, ông T thì ký và viết họ tên vào giấy bên nhận tiền. Cả ông T và bà H cùng nhận 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) của ông H. Do thấy giao tiền cho bà H và ông T tự nhưng không thấy bà H kinh doanh bất động sản gì nên ông H nhiều lần gặp bà H cùng ông T để đòi lại tiền nhưng bà H và ông T chỉ hứa mà không trả. Theo giấy biên nhận tiền thì ông H khi muốn lấy lại tiền thì thông báo trước cho ông T và bà H trước 02 tháng nên ông H đã gửi « Thông báo (V/v thu hồi vốn) » gửi cho ông T và bà H qua đường bưu điện vào ngày 18/3/2021. Địa chỉ mà ông H gửi thư cho bà H và ông T là theo địa chỉ bà H ghi trong giấy biên nhận tiền.

Đến nay bà H và ông T vẫn chưa trả lại cho ông H số tiền đã nhận nên ông H khởi kiện bà H và ông T yêu cầu cả 02 người phải liên đới trả cho ông H 1.300.000.000 đồng. Bà H và ông T ly hôn lúc nào ông H không biết nhưng khi nhận tiền của ông H thì cả bà H và ông T cùng nhận thì phải cùng có trách nhiệm trả. Do đó ông H yêu cầu cả bà H và ông T cùng phải có trách nhiệm trả tiền cho ông H.

Bị đơn bà Trần Thị H có ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Bà H và ông Hồ Văn H là họ hàng chị em cô cậu ruột thường xuyên qua lại. Thấy bà H kinh doanh bất động sản thì ông H có hỏi và ngó ý hùn hạp chứ bà H không rủ vì bà H đâu thể biết ông H có tiền mà rủ. Ông H có đầu tư cùng bà H 1.300.000.000 đồng để cùng kinh doanh bất động sản. Bà H sẽ đứng ra đầu tư bất động sản phát sinh lợi nhuận thì chị em cùng chia nhau. Do đó ngày 06/7/2020 bà H có nhận của ông H 1.300.000.000 đồng và có viết giấy biên nhận tiền cho ông H. Giấy biên nhận tiền do chính bà H tự viết và lăn tay, ký tên. Do vào thời điểm này bà H và ông Lê Văn T còn chung sống chưa ly hôn nên bà H cùng ông T đứng tên là người nhận tiền của ông H và ông T cùng ký và viết họ tên vào giấy biên nhận tiền. Tuy nhiên người thực tế nhận tiền là bà H vì bà H mới là người trực tiếp làm ăn kinh doanh bất động sản. Số tiền 1.300.000.000 đồng ông H hùn hạp làm ăn với bà H chứ không phải là bà H cùng ông T vay của ông H. Đến tháng 11/2020 bà H và ông T đã ly hôn với nhau không còn chung sống. Nhà ở Thới Hòa nơi có hộ khẩu thường trú của bà H và ông T cũng đã bán rồi, hiện ông T sinh sống ở đâu bà H cũng không biết và hiện bà H cũng không còn liên lạc được với ông T.

Bà H xác định khi nhận 1.300.000.000 đồng của ông H vào ngày 06/7/2021 thì bà H và ông T cùng có mặt và cùng ký tên vào Giấy biên nhận tiền nhưng

người nhận tiền là bà H. Bà H đồng ý một mình chịu trách nhiệm trả lại cho ông H số tiền này.

Do làm ăn gặp bất lợi nên bà H không có tiền trả lại cho ông H. Ông H đã nhiều lần gặp bà H để yêu cầu bà H trả nhưng bà H chưa có tiền nên không thể trả cho ông H được. Nay ông H kiện bà H cùng ông T yêu cầu Tòa án buộc bà H và ông T phải trả cho ông H 1.300.000.000 đồng thì bà H có ý kiến như sau :

Hiện ông T và bà H đã ly hôn nên bà H đồng ý một mình chịu trách nhiệm trả cho ông H 1.300.000.000 đồng đã nhận của ông H vào ngày 06/7/2020. Ông T không liên quan gì đến 1.300.000.000 đồng này vì thực tế người nhận tiền là bà H. Hiện bà H làm ăn khó khăn xin trả dần dần cho ông H.

Đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Bà H thừa nhận bà cùng ông T nhận 1.300.000.000 đồng của ông H vào ngày 06/7/2020 và đồng ý trả cho ông H số tiền này. Theo Kết luận giám định số 254/KL-KTHS ngày 17/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương đã kết luận : Chữ viết họ tên « Lê Văn T » tại mục « Chồng » trên « Giấy biên nhận tiền » đề ngày 06/7/2020 (ký hiệu A) so với chữ viết họ tên Lê Văn T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M7) do cùng một người viết ra. Nếu không nhận tiền của ông H thì ông T không viết họ tên của mình vào giấy biên nhận tiền ngày 06/7/2020.

Do đó nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật các bên tranh chấp là đòi tài sản, bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn ông Lê Văn T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 27/5/2022. Tại phiên tòa xét thấy cần phải giám định chữ ký và chữ viết họ tên của ông Lê Văn T trong “Giấy biên nhận tiền” ngày 06/7/2020 nên Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để tiến hành trưng cầu giám định. Ngày 09/6/2022 Hội đồng xét xử đã có thông báo về việc tiếp tục phiên tòa vào lúc 9 giờ 30 phút ngày 27/6/2022. Tuy nhiên bà H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục phiên tòa.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn ông H và bị đơn bà H đều thống nhất ngày 06/7/2020 ông H có giao cho bà H và ông T 1.300.000.000 đồng. Khi ông H giao tiền thì giao tại nhà của ông T và bà H có mặt đủ ông T và bà H. Chính bà H là người viết giấy biên nhận tiền rồi ký tên, lấn tay vào bên nhận tiền, ông T thì ký và viết họ tên vào bên nhận tiền. Cả ông T và bà H cùng nhận 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) của ông H.

Đối với ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã có Quyết định trưng cầu giám định số 06/2022/QĐ-TCGD ngày 27/5/2022 trưng cầu giám định tại Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương giám định đối với chữ ký và chữ viết « Hà Văn T » trong giấy biên nhận tiền ngày 06/7/2020. Theo Kết luận giám định số 254/KL-KTHS ngày 17/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương đã kết luận : Chữ viết họ tên « Lê Văn T » tại mục « Chồng » trên « Giấy biên nhận tiền » đề ngày 06/7/2020 (ký hiệu A) so với chữ viết họ tên Lê Văn T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M7) do cùng một người viết ra ; đối với chữ ký của ông T chưa đủ mẫu chữ ký để có cơ sở kết luận.

Như vậy ông T cùng bà H cùng nhận 1.300.000.000 đồng của ông H, vì nếu không nhận tiền thì ông T không viết tên của ông vào « giấy biên nhận tiền » ngày 06/7/2020.

Thời điểm ông T và bà H nhận tiền của ông H thì ông T và bà H vẫn đang trong thời kỳ hôn nhân. Đến ngày 04/11/2020 ông T và bà H mới được Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát giải quyết cho ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 507/2020/QĐST-HNGĐ. Theo Quyết định số 507 này thì bà H và ông T không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Như vậy đối với số tiền 1.300.000.000 đồng bà H cùng ông T nhận của ông H vào ngày 06/7/2020 cả ông T và bà H phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông H. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông H yêu cầu là có căn cứ và được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H và ông T phải chịu theo quy định.

Về chi phí giám định: 2.040.000 đồng ông H đã nộp, bà H và ông T phải liên đới hoàn lại cho ông H.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát về nội dung là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 166, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn H đối với bị đơn bà Trần Thị H và ông Lê Văn T về việc : Tranh chấp đòi tài sản.

Buộc bà Trần Thị H và ông Lê Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Hồ Văn H 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu tại cơ quan thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị H và ông Lê Văn T liên đới phải chịu 51.000.000 đồng (năm mươi một triệu đồng).

Ông Hồ Văn H không phải chịu tiền án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004460 ngày 25/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về chi phí giám định:

Bà Trần Thị H và ông Lê Văn T liên đới phải trả lại cho ông Hồ Văn H 2.040.000 đồng (hai triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, TA (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thế Thị Ngọc Anh

